

Số: 2179 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 27 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4427/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1420/QĐ-BNN-XD ngày 15/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình



Phước; Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 1683/SXD-QLN ngày 23/6/2021 và Công văn số 2388/SXD-QLN ngày 23/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý đầu tư xây dựng tỉnh.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình: Đáp ứng nhu cầu quỹ đất tái định cư cho các hộ dân thuộc diện bồi thường, GPMB công trình hồ chứa nước Bù Tam. Từng bước đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xây dựng bộ mặt kiến trúc và góp phần vào quá trình đô thị hóa tại xã Hưng Phước nói riêng và huyện Bù Đốp nói chung.

5. Quy mô đầu tư xây dựng:

5.1. San nền:

- Đào gốc cây cao su: 2.586 cây. Đào san nền khối lượng khoảng 30.201,31 m³; đắp san nền khối lượng khoảng 1.449,71m³.

- Đối với các vị trí đắp đất lu lèn đạt độ chặt $k \geq 0,85$.

- Đối với các vị trí đào nền thì sau khi đào san gạt đến cao độ thiết kế, lu tăng cường nền đào đạt độ chặt $k \geq 0,85$.

5.2. Đường giao thông:

a) Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông là 1.135,97m. Trong đó:

- Đường N1 có lộ giới 14m. Trong đó, mặt đường rộng 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,5m.

- Đường N2 có lộ giới 18m. Trong đó, mặt đường rộng 9m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m.

- Đường D1 có lộ giới 18m. Trong đó, mặt đường rộng 9m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m.

- Đường D2 có lộ giới 18m. Trong đó, mặt đường rộng 9m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m.

b) Kết cấu đường từ trên xuống áp dụng cho tất cả các tuyến đường:

- Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, tiêu chuẩn 4,5kg/m².
- Cấp phối đá dăm dày 25 cm, $k \geq 0,98$
- Cấp phối sỏi đỏ dày 40 cm, $k \geq 0,98$
- Nền đất hiện hữu, lu lèn chặt, $k \geq 0,95$
- c) Kết cấu vỉa hè bằng nền đất đầm chặt.
- d) Bó vỉa kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M250.
- e) Bố trí vạch sơn, biển báo theo QCVN 41:2019/BGTVT.

5.3. Hệ thống thoát nước mưa:

- Thoát nước mưa bằng hệ thống cống BTCT đúc sẵn đường kính D600, D800 và D1000.
- Mỗi nôi cống tròn thoát nước mưa bằng vữa xi măng M100 trám ngoài miệng loe và ron cao su nôi cống BTCT.
- Hồ ga cống được đúc bằng BTCT đá 1x2 M250.

5.4. Hệ thống thoát nước thải:

- Giai đoạn đầu: Nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 5 ngăn trước khi thoát vào cống thoát nước chung của khu vực (theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND huyện Bù Đốp về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam).
- Giai đoạn sau: Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt vào hồ sinh học kích thước (10x20x3)m, cấu tạo hồ đất, lót bạt HDPE.

5.5. Hệ thống cấp nước:

- Trạm bơm cấp I: Gồm 02 giếng khoan, sâu 80m; ống vách bằng ống uPVC; lắp đặt bơm hút nước, công suất mỗi bơm 8m³/h, áp lực H = 80m. Tuyến ống nước thô bằng ống nhựa HDPE D90.
- Nhà điều hành: Diện tích 51,24m², kết cấu khung chịu lực, móng, cột trụ BTCT đá 1x2 M200, tường xây gạch không nung, mái lợp tôn, nền lát gạch, sơn nước trong và ngoài.
- Nhà hóa chất: Diện tích 9m², kết cấu cột, dầm bằng BTCT đá 1x2 M200, móng đá chẻ, tường xây gạch không nung, mái lợp tôn, nền lát gạch, sơn nước trong và ngoài. Trong nhà hóa chất bố trí 03 bồn định lượng hóa chất, 01 bồn dùng pha phèn nhôm, 01 bồn dùng pha xút NaOH và 01 bồn dùng pha Clorua vôi. Lắp đặt 03 bơm định lượng hóa chất, 01 bơm dùng cung cấp phèn nhôm, 01 bơm dùng cung cấp xút NaOH và 01 bơm dùng cung cấp Clorua vôi. Máy khuấy hóa chất: Lắp đặt 03 máy khuấy; 01 máy dùng trộn phèn nhôm, 01 máy dùng trộn xút NaOH và 01 máy dùng trộn Clorua vôi.
- Cụm xử lý: Xây dựng cụm xử lý công suất 8m³/h, gồm bồn lắng Lamén kết cấu bằng Inox 304; bể lọc cát tự rửa kết cấu bằng Inox 304. Nền cụm xử lý kết cấu

bằng BTCT đá 1x2 M200. Sàn công tác kết cấu bằng thép lắp ghép.

- Bể chứa nước sạch: Xây dựng bể chứa có dung tích 100m^3 , bể kết cấu bằng BTCT đá 1x2 M250, thành và đáy dày 20cm, nắp bể dày 10cm, mặt ngoài bể tô trát vữa xi măng và quét 02 nước xi măng nguyên chất, mặt trong bể tô trát vữa xi măng có phụ gia chống thấm và quét 02 nước xi măng phủ mặt. Lắp đặt 03 bơm cấp II loại bơm chìm hỏa tiễn.

- Công tường rào: Xây dựng công tường rào bảo vệ bao quanh khu nhà trạm dài 98,4m. Kết cấu móng bằng đá hộc, đà kiềng BTCT đá 1x2 M200, hàng rào bằng lưới thép nhúng kẽm nóng lắp ghép, đường kính lưới thép 5mm, chiều cao hàng rào 2,48m, trụ hàng rào bằng thép vuông. Cửa ra vào khu nhà trạm sử dụng cửa hai cánh rộng 3,0m, cao 2,28m.

- Hạ tầng kỹ thuật khu nhà trạm: Bao gồm san lấp mặt bằng khu nhà trạm; sân nền bằng BTCT đá 1x2 M200, trồng cỏ, cây xanh khu nhà trạm; thoát nước khu nhà trạm; bể chứa nước thải; đường ống kỹ thuật khu nhà trạm.

- Tuyến ống cấp nước sạch: Lắp đặt mạng lưới tuyến ống cấp nước sạch có tổng chiều dài tuyến 1.034 m, sử dụng ống nhựa HDPE D90, D100 và D160.

- Điện động lực, điều khiển và chiếu sáng: Lắp đặt hệ thống dây điện động lực, điều khiển phục vụ vận hành Trạm bơm cấp I, bơm cấp II, bơm định lượng hóa chất, máy khuấy hóa chất thông qua 03 tủ điện tổng.

- Đường điện và trạm biến áp: Lắp đặt đường dây trung thế, hạ thế và trạm biến áp 01 pha phục vụ vận hành cho dự án, trong đó 01 trạm biến áp 15KVA.

5.6. Hệ thống cung cấp điện, chiếu sáng: Theo Thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục cấp điện, chiếu sáng của công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư hồ chứa nước Bù Tam của Sở Công Thương tại văn bản số 856/SCT-NL ngày 28/4/2021, cụ thể như sau:

5.6.1. Hạng mục cấp điện.

a) Đường dây trung thế 1 pha 2 dây:

- Vị trí đầu nối:

+ Nhánh 1: Đầu nối vào trụ trung thế dự kiến trồng xen số 146/63B, tuyến 472 Bù Đốp thuộc trạm biến áp 110/22kV-T2-40MVA Bù Đốp. Điểm cuối dừng tại trụ trung thế số 146/63B/02 dự trù. Tổng chiều dài đơn tuyến 35m.

+ Nhánh 2: Đầu nối vào trụ trung thế hiện hữu số 146/72, tuyến 472 Bù Đốp thuộc trạm biến áp 110/22kV-T2-40MVA Bù Đốp. Điểm cuối dừng tại trụ trung thế số 146/72/03 dự trù. Tổng chiều dài đơn tuyến 130m.

- Dây dẫn: Sử dụng dây nhôm lõi thép bọc cách điện 24kV loại ACXH $50/8\text{mm}^2$ cho dây pha và dây nhôm lõi thép trần AC $50/8\text{mm}^2$ dây trung hòa.

- Cách điện: Sử dụng sứ đứng line post, sứ treo Polyme 24kV cho dây pha và dùng khung U+ Sứ ống chỉ cho dây trung hòa.

- Trụ điện: Sử dụng loại trụ Bê tông ly tâm (BTLT) 12m đơn và trụ ghép có lực đầu trụ 540kgf.

- Móng trụ: Sử dụng móng 01 đà cản (M12-a) bê tông cốt thép (BTCT) 1,2m và móng bê tông trụ ghép 12m.

- Các nội dung còn lại thống nhất theo phương án do đơn vị tư vấn thiết kế lập.

b) Trạm biến áp:

- Trạm biến áp: Sử dụng 024 trạm biến áp 1x50KVA xây dựng mới đặt tại các trụ trung thế số 146/63B/02 và 146/72/3 dự trù xây dựng thuộc tuyến 472 Bù Đốp, tổng công suất 100KVA.

- Bảo vệ TBA: Dùng LBFCO-27kV – 100A + Chì 8K kết hợp với chống sét van LA-18 KV bảo vệ cho trạm biến áp.

- Dây dẫn:

+ Phía trung thế: Dùng cáp đồng bọc CEV-24KV-25 mm² cho dây pha.

+ Phía hạ áp: Từ MBA đến MCCB dùng cáp CV 600V-100mm² cho dây pha và dây trung hòa, cáp suất hạ thế được luồn vào trong ống nhựa PVC Ø90 tới MCCB tổng.

- Đo đếm điện năng: Sử dụng điện kế 1P-2D-220-5A + TI 250/5A.

- Tiếp địa hệ thống đo đếm: Bộ tiếp đất 2 cọc, cọc tiếp địa $\phi 16 \times 2400$, cọc tiếp đất đóng cách nhau 2m ra một phía của trạm và âm sâu dưới mặt đất 0,5m, dây tiếp đất sử dụng dây sắt $\phi 10$ mạ nhôm nóng với dây đồng trần C-25mm², dây tiếp đất dây sắt $\phi 10$ liên kết với cọc tiếp đất $\phi 16-2,4$ m bằng cách hàn điện. Dây sắt được luồn trong ống nhựa PVC Ø21.

- Tiếp địa trạm biến áp: Bộ tiếp đất 10 cọc 3 tia, cọc tiếp địa $\phi 16 \times 2400$, cọc tiếp đất đóng cách nhau 2m ra 3 phía của trạm và âm sâu dưới mặt đất 0,5m, dây sắt $\phi 10$ và cọc tiếp đất liên kết với nhau bằng phương pháp hàn điện. Dây sắt được luồn trong ống nhựa PVC Ø21.

5.6.2. Hạng mục chiếu sáng

- Tiêu chuẩn thiết kế: Hệ thống chiếu sáng được bố trí đi nổi trên trụ hạ thế hiện hữu.

- Tổng chiều dài đơn tuyến 999,4m.

- Nguồn cung cấp từ TBA 1x50KVA đặt tại trụ trung thế số 146/72/03.

- Tổng số đèn led 120W: 30 bộ đèn đơn.

- Cản đèn: Làm bằng ống sắt tráng kẽm D60, dày 3mm; cản đèn cao 2m, độ vươn xa 1,5m, góc nghiêng so với mặt phẳng ngang là 15 độ.

- Bộ đèn: Sử dụng loại đèn Led ánh sáng vàng có công suất 120W.

- Dây dẫn:

+ Cáp cấp nguồn cho tủ chiếu sáng dùng cáp đồng bọc CXV 2x25mm².

+ Cấp hạ thế cấp nguồn cho hệ thống đèn chiếu sáng loại cáp LV-ABC $2 \times 16 \text{mm}^2$, thiết kế sử dụng móc đỡ dây kết hợp đà $L6 \times 75 \times 75 \times 800$ + chống dẹt sắt $V60 \times 60 \times 6$ dài 0,92m.

+ Cấp đầu nối lên đèn dùng cáp đồng bọc cách điện 600V-CVV $2 \times 2.5 \text{mm}^2$.

- Tủ điều khiển chiếu sáng: Sử dụng tủ điều khiển treo trên trụ BTLT bằng cô đê có kích thước $400 \times 320 \times 600 \text{mm}$; làm việc ở 02 chế độ đóng tắt xen kẽ, vỏ tủ làm bằng vật liệu Composite có độ bền cao và chống lão hoá đối với tác động của môi trường.

- Tiếp đất tủ chiếu sáng: Gồm 01 cọc tiếp địa $\Phi 16 \times 2400$ + cáp đồng trần $C11 \text{mm}^2$.

5.7. Hệ thống cây xanh:

- Trồng và bố trí cây Giáng Hương dọc theo hai bên vỉa hè các tuyến đường, số lượng 60 cây.

- Bồn cây bằng bê tông đá $1 \times 2 \text{ M}200$, đường kính 100cm, chiều sâu 50cm.

6. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Công ty CP tư vấn xây dựng và đo đạc bản đồ Linh Sơn.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

8. Nhóm, loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm B

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Thời hạn sử dụng công trình: 20 năm.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: 01 bước.

9.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:

- QCVN 41:2019 Quy chuẩn về báo hiệu đường bộ.

- QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- TCN 263-2000 Quy trình khảo sát đường ô tô.

- TCVN 104-2007 Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị.

- TCVN 4054-05 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô.

- TCN 211-06 Quy trình thiết kế áo đường mềm.

- TCN 272-05 Quy trình thiết kế cầu cống.

- TCXDVN 33:2006 Tiêu chuẩn thiết kế cấp nước mạng lưới đường ống và

công trình.

- TCVN 9116-2012 Cống hộp bê tông cốt thép.
- TCVN 9113-2012 Ống bê tông cốt thép thoát nước.
- TCVN 8819-2011 Quy trình thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông nhựa.
- TCVN 8859-2011 Quy trình thi công và nghiệm thu cấp phối đá dăm.
- TCVN 7957:2008 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 33:2006 Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình, TC thiết kế;
- TCXDVN 9257:2012 Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị- Tiêu chuẩn thiết kế.
- Quy phạm trang bị điện “Phần II: Hệ thống đường dẫn điện 11 TCN - 19 - 2006; phần III: Trang bị phân phối và trạm biến áp 11 TCN - 20 - 2006 do Bộ công nghiệp ban hành năm 2006”
- TCXDVN 259:2001 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo Đường phố, Quảng trường đô thị;
- TCXDVN 333:2005 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Tiêu chuẩn công tác lưới điện phân phối ban hành kèm theo Quyết định số: 1545/EVN/ĐL3-4 ngày 07/5/2001;
- TCXDVN 394:2007 Tiêu chuẩn thiết kế, lắp đặt trang thiết bị điện trong các công trình xây dựng - Phần an toàn điện.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư: 14.993.082.366 đồng (*Mười bốn tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	11.587.694.806 đồng
- Chi phí thiết bị:	1.522.963.835 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	255.824.706 đồng
- Chi phí tư vấn xây dựng:	866.366.254 đồng
- Chi phí khác:	494.596.152 đồng
- Chi phí dự phòng:	265.636.613 đồng

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2021 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (được lấy từ nguồn chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước).



12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

15. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): Không.

16. Các nội dung khác: Chủ đầu tư thực hiện các kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 1683/SXD-QLN ngày 23/6/2021.

*(Kèm theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được
Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 1683/SXD-QLN ngày 23/6/2021)*

Điều 2. Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh là chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ đầu tư, Đơn vị tư vấn lập BCKTKT và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P:KT, TH;
- Lưu VT.


 CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH

 Huỳnh Anh Minh